BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
INSTITUTE OF PUBLIC HEALTH
IN HO CHI MINH CITY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/*N°*: 013825 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT
Sample code: 13642.24

VILAS 219

Tên khách hàng/ *Customer* : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Địa chỉ/ *Address* : SỐ 02 ĐƯỜNG ĐỘC LẬP, KHU PHỐ TÂN NGỌC, PHƯỜNG PHÚ MỸ, THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa điểm lấy mẫu/ *Sample location* : Nhà máy nước Phú Mỹ

Tên mẫu/ *Sample* : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**

Người lấy mẫu/ *Sample collector* : Nguyễn Ngọc Toàn, Lê Văn Đạt - Viện Y tế Công cộng TP.HCM/ *Toan Nguyen Ngoc, Dat Le Van - Institute of public health Ho Chi Minh City*

Ngày lấy mẫu/ *Date of sample collecting* : 12/06/2024/ *June 12th, 2024*

Lượng mẫu/ *Quantity of sample* : 01 bình x 5 lít + 01 chai x 500ml/ *01 bottle x 5 liter+01 bottle x 500ml*

Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receiving* : 12/06/2024/ *June 12th, 2024*

Người gửi mẫu/ *Sample sender* : Phạm Tấn Hào/ *Hao Pham Tan*

Người nhận mẫu/ *Sample receiver* : Trần Thị Thúy/ *Thuy Tran Thi*

Thời gian thử nghiệm/ *Testing period* : 12/06/2024-19/06/2024/ *June 12th, 2024 - June 19th, 2024*

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ *TEST RESULT*

Stt *N°*	Chỉ tiêu *Test Item*	Phương pháp *Method*	Tiêu chuẩn *Standard*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*
1	*Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	*< 1*	*0*	*CFU/100 ml*
2	*Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	*< 1*	*0*	*CFU/100 ml*
3	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3 and NH_4^+, according N)*	EPA 350.2: 1997 (a)	*≤ 0.3*	*< 0.06*	*mg/l*
4	Bari (Ba) *Barium (Ba)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 0.7*	*0.153*	*mg/l*
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric) *Boron (Borate & Boric Acid)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 0.3*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.02*	*mg/l*
6	Cadimi (Cd) *Cadmium (Cd)*	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	*≤ 0.003*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.0003*	*mg/l*

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Sample code: 13642.24

Stt *N°*	Chỉ tiêu *Test Item*	Phương pháp *Method*	Tiêu chuẩn *Standard*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*
7	Chì (Pb) *Lead (Pb)*	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	*≤ 0.01*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.0003*	*mg/l*
8	Chỉ số Permanganate *Permanganate index*	TCVN 6186 - 1996 (a)	*≤ 2*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.23*	*mg/l*
9	Clorua *Chloride*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 250*	*28.7*	*mg/l*
10	Crom tổng (Cr) *Total Chromium (Cr)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.010*	*mg/l*
11	Đồng (Cu) *Copper (Cu)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 1.00*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
12	Độ cứng tổng cộng *Total hardness*	SMEWW 2340 C: 2023 (a)	*≤ 300*	*18*	*mg/l*
13	Florua (F^-) *Fluoride (F^-)*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 1.5*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.05*	*mg/l*
14	Kẽm (Zn) *Zinc (Zn)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 2*	*< 0.050*	*mg/l*
15	Mangan (Mn) *Manganese (Mn)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.1*	*< 0.050*	*mg/l*
16	Natri (Na) *Sodium (Na)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 200*	*14.03*	*mg/l*
17	Nhôm (Al) *Aluminum (Al)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.2*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
18	Nitrate (tính theo N) *Nitrate (according N)*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 2*	*0.36*	*mg/l*
19	Nitrite (tính theo N) *Nitrite (according N)*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.015*	*mg/l*
20	Sắt tổng số(Fe^{2+}+Fe^{3+}) *Total iron (Fe^{2+}+Fe^{3+})*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.3*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
21	Selen (Se) *Selenium (Se)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 0.01*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.0003*	*mg/l*
22	Sulfate *Sulfate*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 250*	*8.66*	*mg/l*
23	Sulfua *Sulfide*	SMEWW 4500 S^{2-} B&C&D: 2023 (a)	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.01*	*mg/l*
24	Thủy ngân (Hg) *Mercury (Hg)*	HD.PP.21/TT.AAS:2023 (a)	*≤ 0.001*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.00008*	*mg/l*
25	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) *Total dissolved solids (TDS)*	SMEWW 2540 C - 2023 (a)	*≤ 1000*	*102*	*mg/l*

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Stt *N°*	Chỉ tiêu *Test Item*	Phương pháp *Method*	Tiêu chuẩn *Standard*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*
26	Cyanua (CN^-) *Cyanide (CN^-)*	SMEWW 4500 - CN^- E - 2023	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.005*	*mg/l*
27	Phenol và dẫn xuất phenol *Phenols*	HD.PP.46/KXN.LH: 2021 (Ref. EPA Method 604:1984) (a)	*≤ 1*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.30*	*µg/l*
28	Styren *Styrene*	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	*≤ 20*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 3*	*µg/l*
29	Xylen *Xylene*	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	*≤ 500*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 3*	*µg/l*
30	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine *Atrazine and chloro-s-triazine derivatives*	EPA Method 536: 2007 (a)	*≤ 100*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.40*	*µg/l*
31	Clodan *Chlordane*	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	*≤ 0.2*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.01*	*µg/l*
32	Cyanazine *Cyanazine*	EPA Method 536: 2007 (a)	*≤ 0.6*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.10*	*µg/l*
33	DDT và các dẫn xuất *DDTs*	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	*≤ 1*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.01*	*µg/l*
34	Hydroxyatrazine *Hydroxyatrazine*	EPA Method 536: 2007 (a)	*≤ 200*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.30*	*µg/l*
35	Trifuralin *Trifuralin*	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	*≤ 20*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.01*	*µg/l*
36	Bromodichlorometan *Bromodichloromethane*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 60*	*< 2.0*	*µg/l*
37	Bromoform *Bromoform*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 100*	*< 2.0*	*µg/l*
38	Cloroform *Chloroform*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 300*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.50*	*µg/l*
39	Dibromochlorometan *Dibromochloromethane*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 100*	*< 2.0*	*µg/l*
40	Monocloramin *Monochloramine*	SMEWW 4500 - Cl - F - 2023 (a)	*≤ 3.0*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.05*	*mg/l*
41	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha) *Radioactivity alpha*	ISO 10704:2019 (a)	*≤ 0.1*	*0.086*	*Bq/l*
42	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta) *Radioactivity beta*	ISO 10704:2019 (a)	*≤ 1.0*	*0.182*	*Bq/l*

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Ghi chú/ *Note*:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

This test result is valid for this sample.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

(a) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.

- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/*Limit of detection.*

- Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine gồm: Atrazine; Atrazine-desethyl-desisopropyl; Atrazine-desethyl; Atrazine-desisopropyl; Propazine.

Atrazine include: Atrazine; Atrazine-desethyl-desisopropyl; Atrazine-desethyl; Atrazine-desisopropyl; Propazine.

- DDT và các dẫn xuất gồm: 4,4'-DDT; 4,4'-DDE; 4,4'-DDD.

DDTs include: 4,4'-DDT; 4,4'-DDE; 4,4'-DDD.

- Phenol và dẫn xuất của phenol gồm: Phenol; 2,4-Dinitrophenol; 2,4-Dimethylphenol; 4-Chloro-3-methylphenol; 2,4-Dichlorophenol; 2-Chlorophenol; 2,4,6-Trichlorophenol; Pentachlorophenol.

Phenols include: Phenol; 2,4-Dinitrophenol; 2,4-Dimethylphenol; 4-Chloro-3- methylphenol; 2,4-Dichlorophenol; 2-Chlorophenol; 2,4,6-Trichlorophenol; Pentachlorophenol.

Nhận xét/ *Conclusion*:

Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu QCĐP 01:2022/BR-VT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành.

This sample had parameters which met requirements of the Local technical regulation on Domestic Water Quality in Ba Ria - Vung Tau Province QCĐP 01:2022/BR-VT, promulgated by the People's Committee of Ba Ria - Vung Tau province.

Ho Chi Minh City, 21-06-2024

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
AUTHORIZED DIRECTOR
HEAD OF TESTING DEPARTMENT

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Lê Thị Ngọc Hạnh

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
INSTITUTE OF PUBLIC HEALTH
IN HO CHI MINH CITY

Số/*N°*: 0 13827 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Sample code: 13644.24

VILAS 219

Tên khách hàng/ *Customer* : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Địa chỉ/ *Address* : SỐ 02 ĐƯỜNG ĐỘC LẬP, KHU PHỐ TÂN NGỌC, PHƯỜNG PHÚ MỸ, THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa điểm lấy mẫu/ *Sample location* : Đồng hồ tổng KCN Phú Mỹ I

Tên mẫu/ *Sample* : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**

Người lấy mẫu/ *Sample collector* : Nguyễn Ngọc Toàn, Lê Văn Đạt - Viện Y tế Công cộng TP.HCM/ *Toan Nguyen Ngoc, Dat Le Van - Institute of public health Ho Chi Minh City*

Ngày lấy mẫu/ *Date of sample collecting* : 12/06/2024/ *June 12th, 2024*

Lượng mẫu/ *Quantity of sample* : 01 bình x 5 lít + 01 chai x 500ml/ *01 bottle x 5 liter+01 bottle x 500ml*

Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receiving* : 12/06/2024/ *June 12th, 2024*

Người gửi mẫu/ *Sample sender* : Phạm Tấn Hào/ *Hao Pham Tan*

Người nhận mẫu/ *Sample receiver* : Trần Thị Thúy/ *Thuy Tran Thi*

Thời gian thử nghiệm/ *Testing period* : 12/06/2024-19/06/2024/ *June 12th, 2024 - June 19th, 2024*

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ *TEST RESULT*

Stt *N°*	**Chỉ tiêu** *Test Item*	**Phương pháp** *Method*	**Tiêu chuẩn** *Standard*	**Kết quả** *Result*	**Đơn vị** *Unit*
1	*Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	*< 1*	*0*	*CFU/100 ml*
2	*Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	*< 1*	*0*	*CFU/100 ml*
3	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3 and NH_4^+, according N)*	EPA 350.2: 1997 (a)	*≤ 0.3*	*< 0.06*	*mg/l*
4	Bari (Ba) *Barium (Ba)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 0.7*	*0.152*	*mg/l*
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric) *Boron (Borate & Boric Acid)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 0.3*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.02*	*mg/l*
6	Cadimi (Cd) *Cadmium (Cd)*	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	*≤ 0.003*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.0003*	*mg/l*

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Sample code: 13644.24

Stt *N°*	Chỉ tiêu *Test Item*	Phương pháp *Method*	Tiêu chuẩn *Standard*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*
7	Chì (Pb) *Lead (Pb)*	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	*≤ 0.01*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.0003*	*mg/l*
8	Chỉ số Permanganate *Permanganate index*	TCVN 6186 - 1996 (a)	*≤ 2*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.23*	*mg/l*
9	Clorua *Chloride*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 250*	*29.0*	*mg/l*
10	Crom tổng (Cr) *Total Chromium (Cr)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.010*	*mg/l*
11	Đồng (Cu) *Copper (Cu)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 1.00*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
12	Độ cứng tổng cộng *Total hardness*	SMEWW 2340 C: 2023 (a)	*≤ 300*	*18*	*mg/l*
13	Florua (F^-) *Fluoride (F^-)*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 1.5*	*< 0.15*	*mg/l*
14	Kẽm (Zn) *Zinc (Zn)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 2*	*< 0.050*	*mg/l*
15	Mangan (Mn) *Manganese (Mn)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.1*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
16	Natri (Na) *Sodium (Na)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 200*	*13.82*	*mg/l*
17	Nhôm (Al) *Aluminum (Al)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.2*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
18	Nitrate (tính theo N) *Nitrate (according N)*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 2*	*0.35*	*mg/l*
19	Nitrite (tính theo N) *Nitrite (according N)*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.015*	*mg/l*
20	Sắt tổng số(Fe^{2+}+Fe^{3+}) *Total iron (Fe^{2+}+Fe^{3+})*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.3*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
21	Selen (Se) *Selenium (Se)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 0.01*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.0003*	*mg/l*
22	Sulfate *Sulfate*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 250*	*8.74*	*mg/l*
23	Sulfua *Sulfide*	SMEWW 4500 S^{2-} B&C&D: 2023 (a)	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.01*	*mg/l*
24	Thủy ngân (Hg) *Mercury (Hg)*	HD.PP.21/TT.AAS:2023 (a)	*≤ 0.001*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.00008*	*mg/l*
25	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) *Total dissolved solids (TDS)*	SMEWW 2540 C - 2023 (a)	*≤ 1000*	*99.3*	*mg/l*

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Stt *N°*	Chỉ tiêu *Test Item*	Phương pháp *Method*	Tiêu chuẩn *Standard*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*
26	Cyanua (CN^-) *Cyanide (CN^-)*	SMEWW 4500 - CN^- E - 2023	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.005*	*mg/l*
27	Phenol và dẫn xuất phenol *Phenols*	HD.PP.46/KXN.LH: 2021 (Ref. EPA Method 604:1984) (a)	*≤ 1*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.30*	*µg/l*
28	Styren *Styrene*	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	*≤ 20*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 3*	*µg/l*
29	Xylen *Xylene*	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	*≤ 500*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 3*	*µg/l*
30	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine *Atrazine and chloro-s-triazine derivatives*	EPA Method 536: 2007 (a)	*≤ 100*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.40*	*µg/l*
31	Clodan *Chlordane*	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	*≤ 0.2*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.01*	*µg/l*
32	Cyanazine *Cyanazine*	EPA Method 536: 2007 (a)	*≤ 0.6*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.10*	*µg/l*
33	DDT và các dẫn xuất *DDTs*	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	*≤ 1*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.01*	*µg/l*
34	Hydroxyatrazine *Hydroxyatrazine*	EPA Method 536: 2007 (a)	*≤ 200*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.30*	*µg/l*
35	Trifuralin *Trifuralin*	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	*≤ 20*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.01*	*µg/l*
36	Bromodichlorometan *Bromodichloromethane*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 60*	*< 2.0*	*µg/l*
37	Bromoform *Bromoform*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 100*	*< 2.0*	*µg/l*
38	Cloroform *Chloroform*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 300*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.50*	*µg/l*
39	Dibromochlorometan *Dibromochloromethane*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 100*	*3.12*	*µg/l*
40	Monocloramin *Monochloramine*	SMEWW 4500 - Cl - F - 2023 (a)	*≤ 3.0*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.05*	*mg/l*
41	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha) *Radioactivity alpha*	ISO 10704:2019 (a)	*≤ 0.1*	*0.083*	*Bq/l*
42	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta) *Radioactivity beta*	ISO 10704:2019 (a)	*≤ 1.0*	*0.194*	*Bq/l*

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Ghi chú/ *Note*:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

This test result is valid for this sample.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

(a) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.

- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/*Limit of detection.*

- Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine gồm: Atrazine; Atrazine-desethyl-desisopropyl; Atrazine-desethyl; Atrazine-desisopropyl; Propazine.

Atrazine include: Atrazine; Atrazine-desethyl-desisopropyl; Atrazine-desethyl; Atrazine-desisopropyl; Propazine.

- DDT và các dẫn xuất gồm: 4,4'-DDT; 4,4'-DDE; 4,4'-DDD.

DDTs include: 4,4'-DDT; 4,4'-DDE; 4,4'-DDD.

- Phenol và dẫn xuất của phenol gồm: Phenol; 2,4-Dinitrophenol; 2,4-Dimethylphenol; 4-Chloro-3-methylphenol; 2,4-Dichlorophenol; 2-Chlorophenol; 2,4,6-Trichlorophenol; Pentachlorophenol.

Phenols include: Phenol; 2,4-Dinitrophenol; 2,4-Dimethylphenol; 4-Chloro-3- methylphenol; 2,4-Dichlorophenol; 2-Chlorophenol; 2,4,6-Trichlorophenol; Pentachlorophenol.

Nhận xét/ *Conclusion*:

Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu QCĐP 01:2022/BR-VT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành.

This sample had parameters which met requirements of the Local technical regulation on Domestic Water Quality in Ba Ria - Vung Tau Province QCĐP 01:2022/BR-VT, promulgated by the People's Committee of Ba Ria - Vung Tau province.

Ho Chi Minh City, 21-06-2024

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

AUTHORIZED DIRECTOR

HEAD OF TESTING DEPARTMENT

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Lê Thị Ngọc Hạnh

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
INSTITUTE OF PUBLIC HEALTH
IN HO CHI MINH CITY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/*N°*: 013829 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT
Sample code: 13646.24

VILAS 219

Tên khách hàng/ *Customer* : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Địa chỉ/ *Address* : SỐ 02 ĐƯỜNG ĐỘC LẬP, KHU PHỐ TÂN NGỌC, PHƯỜNG PHÚ MỸ, THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa điểm lấy mẫu/ *Sample location* : Đồng hồ tổng KCN Gò Dầu

Tên mẫu/ *Sample* : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**

Người lấy mẫu/ *Sample collector* : Nguyễn Ngọc Toàn, Lê Văn Đạt - Viện Y tế Công cộng TP.HCM/ *Toan Nguyen Ngoc, Dat Le Van - Institute of public health Ho Chi Minh City*

Ngày lấy mẫu/ *Date of sample collecting* : 12/06/2024/ *June 12th, 2024*

Lượng mẫu/ *Quantity of sample* : 01 bình x 5 lít + 01 chai x 500ml/ *01 bottle x 5 liter+01 bottle x 500ml*

Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receiving* : 12/06/2024/ *June 12th, 2024*

Người gửi mẫu/ *Sample sender* : Phạm Tấn Hào/ *Hao Pham Tan*

Người nhận mẫu/ *Sample receiver* : Trần Thị Thúy/ *Thuy Tran Thi*

Thời gian thử nghiệm/ *Testing period* : 12/06/2024-19/06/2024/ *June 12th, 2024 - June 19th, 2024*

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ *TEST RESULT*

Stt *N°*	**Chỉ tiêu** *Test Item*	**Phương pháp** *Method*	**Tiêu chuẩn** *Standard*	**Kết quả** *Result*	**Đơn vị** *Unit*
1	*Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	*< 1*	*0*	*CFU/100 ml*
2	*Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	*< 1*	*0*	*CFU/100 ml*
3	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3 and NH_4^+, according N)*	EPA 350.2: 1997 (a)	*≤ 0.3*	*0.09*	*mg/l*
4	Bari (Ba) *Barium (Ba)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 0.7*	*0.060*	*mg/l*
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric) *Boron (Borate & Boric Acid)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 0.3*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.02*	*mg/l*
6	Cadimi (Cd) *Cadmium (Cd)*	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	*≤ 0.003*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.0003*	*mg/l*

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Stt *N°*	Chỉ tiêu *Test Item*	Phương pháp *Method*	Tiêu chuẩn *Standard*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*
7	Chì (Pb) *Lead (Pb)*	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	*≤ 0.01*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.0003*	*mg/l*
8	Chỉ số Permanganate *Permanganate index*	TCVN 6186 - 1996 (a)	*≤ 2*	*1.12*	*mg/l*
9	Clorua *Chloride*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 250*	*15.7*	*mg/l*
10	Crom tổng (Cr) *Total Chromium (Cr)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.010*	*mg/l*
11	Đồng (Cu) *Copper (Cu)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 1.00*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
12	Độ cứng tổng cộng *Total hardness*	SMEWW 2340 C: 2023 (a)	*≤ 300*	*66*	*mg/l*
13	Florua (F^-) *Fluoride (F^-)*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 1.5*	*0.19*	*mg/l*
14	Kẽm (Zn) *Zinc (Zn)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 2*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
15	Mangan (Mn) *Manganese (Mn)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.1*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
16	Natri (Na) *Sodium (Na)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 200*	*11.27*	*mg/l*
17	Nhôm (Al) *Aluminum (Al)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.2*	*0.094*	*mg/l*
18	Nitrate (tính theo N) *Nitrate (according N)*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 2*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.08*	*mg/l*
19	Nitrite (tính theo N) *Nitrite (according N)*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.015*	*mg/l*
20	Sắt tổng số(Fe^{2+}+Fe^{3+}) *Total iron (Fe^{2+}+Fe^{3+})*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.3*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
21	Selen (Se) *Selenium (Se)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 0.01*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.0003*	*mg/l*
22	Sulfate *Sulfate*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 250*	*7.41*	*mg/l*
23	Sulfua *Sulfide*	SMEWW 4500 S^{2-} B&C&D: 2023 (a)	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.01*	*mg/l*
24	Thủy ngân (Hg) *Mercury (Hg)*	HD.PP.21/TT.AAS:2023 (a)	*≤ 0.001*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.00008*	*mg/l*
25	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) *Total dissolved solids (TDS)*	SMEWW 2540 C - 2023 (a)	*≤ 1000*	*116*	*mg/l*

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Stt *N°*	Chỉ tiêu *Test Item*	Phương pháp *Method*	Tiêu chuẩn *Standard*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*
26	Cyanua (CN^-) *Cyanide (CN^-)*	SMEWW 4500 - CN^- E - 2023	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.005*	*mg/l*
27	Phenol và dẫn xuất phenol *Phenols*	HD.PP.46/KXN.LH: 2021 (Ref. EPA Method 604:1984) (a)	*≤ 1*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.30*	*µg/l*
28	Styren *Styrene*	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	*≤ 20*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 3*	*µg/l*
29	Xylen *Xylene*	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	*≤ 500*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 3*	*µg/l*
30	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine *Atrazine and chloro-s-triazine derivatives*	EPA Method 536: 2007 (a)	*≤ 100*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.40*	*µg/l*
31	Clodan *Chlordane*	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	*≤ 0.2*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.01*	*µg/l*
32	Cyanazine *Cyanazine*	EPA Method 536: 2007 (a)	*≤ 0.6*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.10*	*µg/l*
33	DDT và các dẫn xuất *DDTs*	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	*≤ 1*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.01*	*µg/l*
34	Hydroxyatrazine *Hydroxyatrazine*	EPA Method 536: 2007 (a)	*≤ 200*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.30*	*µg/l*
35	Trifuralin *Trifuralin*	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	*≤ 20*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.01*	*µg/l*
36	Bromodichlorometan *Bromodichloromethane*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 60*	*6.60*	*µg/l*
37	Bromoform *Bromoform*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 100*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.50*	*µg/l*
38	Cloroform *Chloroform*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 300*	*4.31*	*µg/l*
39	Dibromochlorometan *Dibromochloromethane*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 100*	*< 2.0*	*µg/l*
40	Monocloramin *Monochloramine*	SMEWW 4500 - Cl - F - 2023 (a)	*≤ 3.0*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.05*	*mg/l*
41	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha) *Radioactivity alpha*	ISO 10704:2019 (a)	*≤ 0.1*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.025*	*Bq/l*
42	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta) *Radioactivity beta*	ISO 10704:2019 (a)	*≤ 1.0*	*< 0.150*	*Bq/l*

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Ghi chú/ *Note*:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

This test result is valid for this sample.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

(a) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.

- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/*Limit of detection.*

- Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine gồm: Atrazine; Atrazine-desethyl-desisopropyl; Atrazine-desethyl; Atrazine-desisopropyl; Propazine.

Atrazine include: Atrazine; Atrazine-desethyl-desisopropyl; Atrazine-desethyl; Atrazine-desisopropyl; Propazine.

- DDT và các dẫn xuất gồm: 4,4'-DDT; 4,4'-DDE; 4,4'-DDD.

DDTs include: 4,4'-DDT; 4,4'-DDE; 4,4'-DDD.

- Phenol và dẫn xuất của phenol gồm: Phenol; 2,4-Dinitrophenol; 2,4-Dimethylphenol; 4-Chloro-3-methylphenol; 2,4-Dichlorophenol; 2-Chlorophenol; 2,4,6-Trichlorophenol; Pentachlorophenol.

Phenols include: Phenol; 2,4-Dinitrophenol; 2,4-Dimethylphenol; 4-Chloro-3- methylphenol; 2,4-Dichlorophenol; 2-Chlorophenol; 2,4,6-Trichlorophenol; Pentachlorophenol.

Nhận xét/ *Conclusion*:

Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu QCĐP 01:2022/BR-VT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành.

This sample had parameters which met requirements of the Local technical regulation on Domestic Water Quality in Ba Ria - Vung Tau Province QCĐP 01:2022/BR-VT, promulgated by the People's Committee of Ba Ria - Vung Tau province.

Ho Chi Minh City, 21-06-2024

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

AUTHORIZED DIRECTOR

HEAD OF TESTING DEPARTMENT

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Lê Thị Ngọc Hạnh

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
INSTITUTE OF PUBLIC HEALTH IN HO CHI MINH CITY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/*N°*: 013831 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT
Sample code: 13648.24

VILAS 219

Tên khách hàng/ *Customer* : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ

Địa chỉ/ *Address* : SỐ 02 ĐƯỜNG ĐỘC LẬP, KHU PHỐ TÂN NGỌC, PHƯỜNG PHÚ MỸ, THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa điểm lấy mẫu/ *Sample location* : Đồng hồ tổng KCN Phú Mỹ 3

Tên mẫu/ *Sample* : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**

Người lấy mẫu/ *Sample collector* : Nguyễn Ngọc Toàn, Lê Văn Đạt - Viện Y tế Công cộng TP.HCM/ *Toan Nguyen Ngoc, Dat Le Van - Institute of public health Ho Chi Minh City*

Ngày lấy mẫu/ *Date of sample collecting* : 12/06/2024/ *June 12th, 2024*

Lượng mẫu/ *Quantity of sample* : 01 bình x 5 lít + 01 chai x 500ml/ *01 bottle x 5 liter+01 bottle x 500ml*

Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receiving* : 12/06/2024/ *June 12th, 2024*

Người gửi mẫu/ *Sample sender* : Phạm Tấn Hào/ *Hao Pham Tan*

Người nhận mẫu/ *Sample receiver* : Trần Thị Thúy/ *Thuy Tran Thi*

Thời gian thử nghiệm/ *Testing period* : 12/06/2024-19/06/2024/ *June 12th, 2024 - June 19th, 2024*

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ *TEST RESULT*

Stt *N°*	Chỉ tiêu *Test Item*	Phương pháp *Method*	Tiêu chuẩn *Standard*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*
1	*Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	*< 1*	*0*	*CFU/100 ml*
2	*Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	*< 1*	*0*	*CFU/100 ml*
3	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3 and NH_4^+, according N)*	EPA 350.2: 1997 (a)	*≤ 0.3*	*0.09*	*mg/l*
4	Bari (Ba) *Barium (Ba)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 0.7*	*0.058*	*mg/l*
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric) *Boron (Borate & Boric Acid)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 0.3*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.02*	*mg/l*
6	Cadimi (Cd) *Cadmium (Cd)*	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	*≤ 0.003*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.0003*	*mg/l*

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Sample code: 13648.24

Stt *N°*	Chỉ tiêu *Test Item*	Phương pháp *Method*	Tiêu chuẩn *Standard*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*
7	Chì (Pb) *Lead (Pb)*	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	*≤ 0.01*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.0003*	*mg/l*
8	Chỉ số Permanganate *Permanganate index*	TCVN 6186 - 1996 (a)	*≤ 2*	*0.96*	*mg/l*
9	Clorua *Chloride*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 250*	*16.0*	*mg/l*
10	Crom tổng (Cr) *Total Chromium (Cr)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.010*	*mg/l*
11	Đồng (Cu) *Copper (Cu)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 1.00*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
12	Độ cứng tổng cộng *Total hardness*	SMEWW 2340 C: 2023 (a)	*≤ 300*	*68*	*mg/l*
13	Florua (F^-) *Fluoride (F^-)*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 1.5*	*0.19*	*mg/l*
14	Kẽm (Zn) *Zinc (Zn)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 2*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
15	Mangan (Mn) *Manganese (Mn)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.1*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
16	Natri (Na) *Sodium (Na)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 200*	*12.02*	*mg/l*
17	Nhôm (Al) *Aluminum (Al)*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.2*	*0.091*	*mg/l*
18	Nitrate (tính theo N) *Nitrate (according N)*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 2*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.08*	*mg/l*
19	Nitrite (tính theo N) *Nitrite (according N)*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.015*	*mg/l*
20	Sắt tổng số(Fe^{2+}+Fe^{3+}) *Total iron (Fe^{2+}+Fe^{3+})*	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	*≤ 0.3*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.020*	*mg/l*
21	Selen (Se) *Selenium (Se)*	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	*≤ 0.01*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.0003*	*mg/l*
22	Sulfate *Sulfate*	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	*≤ 250*	*7.38*	*mg/l*
23	Sulfua *Sulfide*	SMEWW 4500 S^{2-} B&C&D: 2023 (a)	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.01*	*mg/l*
24	Thủy ngân (Hg) *Mercury (Hg)*	HD.PP.21/TT.AAS:2023 (a)	*≤ 0.001*	Không phát hiện *Not detected* *LOD = 0.00008*	*mg/l*
25	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) *Total dissolved solids (TDS)*	SMEWW 2540 C - 2023 (a)	*≤ 1000*	*133*	*mg/l*

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Stt *N°*	Chỉ tiêu *Test Item*	Phương pháp *Method*	Tiêu chuẩn *Standard*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*
26	Cyanua (CN^-) *Cyanide (CN^-)*	SMEWW 4500 - CN^- E - 2023	*≤ 0.05*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.005*	*mg/l*
27	Phenol và dẫn xuất phenol *Phenols*	HD.PP.46/KXN.LH: 2021 (Ref. EPA Method 604:1984) (a)	*≤ 1*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.30*	*µg/l*
28	Styren *Styrene*	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	*≤ 20*	Không phát hiện *Not detected LOD = 3*	*µg/l*
29	Xylen *Xylene*	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	*≤ 500*	Không phát hiện *Not detected LOD = 3*	*µg/l*
30	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine *Atrazine and chloro-s-triazine derivatives*	EPA Method 536: 2007 (a)	*≤ 100*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.40*	*µg/l*
31	Clodan *Chlordane*	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	*≤ 0.2*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.01*	*µg/l*
32	Cyanazine *Cyanazine*	EPA Method 536: 2007 (a)	*≤ 0.6*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.10*	*µg/l*
33	DDT và các dẫn xuất *DDTs*	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	*≤ 1*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.01*	*µg/l*
34	Hydroxyatrazine *Hydroxyatrazine*	EPA Method 536: 2007 (a)	*≤ 200*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.30*	*µg/l*
35	Trifuralin *Trifuralin*	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	*≤ 20*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.01*	*µg/l*
36	Bromodichlorometan *Bromodichloromethane*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 60*	*8.73*	*µg/l*
37	Bromoform *Bromoform*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 100*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.50*	*µg/l*
38	Cloroform *Chloroform*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 300*	*7.19*	*µg/l*
39	Dibromochlorometan *Dibromochloromethane*	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	*≤ 100*	*< 2.0*	*µg/l*
40	Monocloramin *Monochloramine*	SMEWW 4500 - Cl - F - 2023 (a)	*≤ 3.0*	Không phát hiện *Not detected LOD = 0.05*	*mg/l*
41	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha) *Radioactivity alpha*	ISO 10704:2019 (a)	*≤ 0.1*	*< 0.075*	*Bq/l*
42	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta) *Radioactivity beta*	ISO 10704:2019 (a)	*≤ 1.0*	*0.180*	*Bq/l*

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Ghi chú/ *Note*:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

This test result is valid for this sample.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

(a) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.

- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/*Limit of detection.*

- Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine gồm: Atrazine; Atrazine-desethyl-desisopropyl; Atrazine-desethyl; Atrazine-desisopropyl; Propazine.

Atrazine include: Atrazine; Atrazine-desethyl-desisopropyl; Atrazine-desethyl; Atrazine-desisopropyl; Propazine.

- DDT và các dẫn xuất gồm: 4,4'-DDT; 4,4'-DDE; 4,4'-DDD.

DDTs include: 4,4'-DDT; 4,4'-DDE; 4,4'-DDD.

- Phenol và dẫn xuất của phenol gồm: Phenol; 2,4-Dinitrophenol; 2,4-Dimethylphenol; 4-Chloro-3-methylphenol; 2,4-Dichlorophenol; 2-Chlorophenol; 2,4,6-Trichlorophenol; Pentachlorophenol.

Phenols include: Phenol; 2,4-Dinitrophenol; 2,4-Dimethylphenol; 4-Chloro-3- methylphenol; 2,4-Dichlorophenol; 2-Chlorophenol; 2,4,6-Trichlorophenol; Pentachlorophenol.

Nhận xét/ *Conclusion*:

Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu QCĐP 01:2022/BR-VT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành.

This sample had parameters which met requirements of the Local technical regulation on Domestic Water Quality in Ba Ria - Vung Tau Province QCĐP 01:2022/BR-VT, promulgated by the People's Committee of Ba Ria - Vung Tau province.

Ho Chi Minh City, 21-06-2024

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
AUTHORIZED DIRECTOR
HEAD OF TESTING DEPARTMENT

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Lê Thị Ngọc Hạnh

Address: 159 Hung Phu Street, Ward 8, District 8, HCMC
☎ (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn